

QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VF4)

- QUỸ ĐẦU TƯ VF4 -

---o0o---

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. HCM, Tháng 3/2012

MỤC LỤC

1.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
2.	CÁC KHÁI NIỆM & ĐỊNH NGHĨA	5
CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG		8
ĐIỀU 1.	Tên và địa chỉ liên hệ	8
ĐIỀU 2.	Mục đích của quỹ	8
ĐIỀU 3.	Thời hạn hoạt động của quỹ	8
ĐIỀU 4.	Nguyên tắc tổ chức	8
ĐIỀU 5.	Vốn điều lệ, tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ phát hành	8
ĐIỀU 6.	Chỉ định đại diện huy động vốn và phát hành chứng chỉ quỹ	8
ĐIỀU 7.	Công ty quản lý quỹ	9
ĐIỀU 8.	Ngân hàng giám sát	9
ĐIỀU 9.	Mục tiêu đầu tư của quỹ	9
ĐIỀU 10.	Chiến lược đầu tư	9
ĐIỀU 11.	Hạn chế đầu tư	10
ĐIỀU 12.	Phương pháp lựa chọn đầu tư	11
CHƯƠNG III NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ		11
ĐIỀU 13.	Nhà đầu tư	11
ĐIỀU 14.	Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư	12
ĐIỀU 15.	Sổ đăng ký nhà đầu tư	12
ĐIỀU 16.	Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ	12
ĐIỀU 17.	Thừa kế chứng chỉ quỹ	13
ĐIỀU 18.	Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ	13
CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ		13
ĐIỀU 19.	Đại hội nhà đầu tư thường niên	13
ĐIỀU 20.	Đại hội nhà đầu tư bất thường	13
ĐIỀU 21.	Quyền hạn của Đại hội nhà đầu tư	14
ĐIỀU 22.	Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư	14
ĐIỀU 23.	Quyết định của Đại hội nhà đầu tư	14
CHƯƠNG V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ		15
ĐIỀU 24.	Ban đại diện quỹ	15
ĐIỀU 25.	Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ	16
ĐIỀU 26.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ	16
ĐIỀU 27.	Chủ tịch Ban đại diện quỹ	17
ĐIỀU 28.	Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ	17
ĐIỀU 29.	Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện quỹ	17
ĐIỀU 30.	Hoạt động của Ban đại diện quỹ	18
CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		18
ĐIỀU 31.	Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ	18
ĐIỀU 32.	Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ	18
ĐIỀU 33.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ	19
ĐIỀU 34.	Quy định về hạn chế đối với công ty quản lý quỹ	20

CHƯƠNG VII	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	20
ĐIỀU 35.	Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát	20
ĐIỀU 36.	Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát	21
ĐIỀU 37.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát	21
CHƯƠNG VIII	KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	22
ĐIỀU 38.	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán	22
ĐIỀU 39.	Năm tài chính	22
ĐIỀU 40.	Chế độ kế toán	22
ĐIỀU 41.	Báo cáo tài chính	22
ĐIỀU 42.	Báo cáo khác	22
CHƯƠNG IX	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ	22
ĐIỀU 43.	Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ	22
ĐIỀU 44.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ	22
ĐIỀU 45.	Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4	24
CHƯƠNG XI	GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ	24
ĐIỀU 46.	Các điều kiện giải thể quỹ	24
ĐIỀU 47.	Thanh lý tài sản quỹ khi giải thể	25
ĐIỀU 48.	Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ	25
CHƯƠNG XII	PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	25
ĐIỀU 49.	Phí phát hành chứng chỉ quỹ đóng	25
ĐIỀU 50.	Thu nhập của quỹ	25
ĐIỀU 51.	Phí quản lý quỹ	25
ĐIỀU 52.	Phí lưu ký, giám sát và phí khác trả cho ngân hàng giám sát	25
ĐIỀU 54.	Cổ tức quỹ	26
ĐIỀU 55.	Thưởng hoạt động	26
ĐIỀU 56.	Kiểm soát xung đột lợi ích	26
ĐIỀU 57.	Công bố thông tin	26
ĐIỀU 58.	Thay đổi điều lệ	27
ĐIỀU 59.	Đăng ký điều lệ	27
ĐIỀU 60.	Điều khoản thi hành	27
PHỤ LỤC 1:	CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	28
PHỤ LỤC 2:	CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	29
PHỤ LỤC 3:	CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	30
PHỤ LỤC 4:	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỞNG HOẠT ĐỘNG	31

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luậtsố 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Nghị định 84/2010/NĐ-CP ngày 02/8/2010 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 09 năm 2010;
- Nghị định 85/2010/NĐ-CP ngày 02/8/2010 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
- Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;
- Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC KHÁI NIỆM & ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư VF4) là quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, có mức vốn góp của các nhà đầu tư ban đầu là 806.460 triệu đồng được thành lập theo Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF4.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo giấy phép số 0006/NH-GP ngày 05/12/1991 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo luật ngân hàng Việt Nam, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
Doanh nghiệp Hàng đầu	Là những doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn bởi những lĩnh vực như: năng lượng, vật liệu - khai khoáng, tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng, bất động sản, hàng tiêu dùng và những doanh nghiệp này luôn nằm trong top 20 doanh nghiệp hàng đầu của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đó đang hoạt động và có vốn điều lệ tối thiểu là 150 tỷ đồng Việt Nam.
“Đại lý phân phối”	Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính ngân hàng có đủ năng lực, được Công ty quản lý quỹ chỉ định phân phối không độc quyền chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 theo Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), là ngân hàng được thành lập theo giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng để thực hiện nghiệp vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ đầu tư VF4. Ngân hàng giám sát do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ đầu tư VF4, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VF4 và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM”	(Sau đây gọi tắt là HoSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”	(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán độc lập.

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của Quý.
“Điều lệ Quỹ”	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF4 được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Trong lần huy động quỹ đầu tiên, điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF4.
“Quỹ đầu tư chứng khoán đóng”	(Sau đây gọi tắt là quỹ đóng) là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VF4. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF4.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VF4, Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
“Đơn vị quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quý.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4”	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ) là loại chứng khoán do Công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VF4 phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VF4 theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị quỹ của nhà đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF4.
“Giá phát hành”	Là giá của mỗi đơn vị quỹ được phát hành lần đầu tương đương mệnh giá của đơn vị quỹ cộng với phí phát hành là 300 đồng/đơn vị.
“Phí phát hành”	Là phí mà Quỹ đầu tư VF4 phải trả cho Công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá một chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là 3% mệnh giá chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
“Thưởng hoạt động”	Là khoản thưởng được Quỹ đầu tư VF4 trả cho Công ty quản lý quỹ ngoài phí quản lý quỹ. Thưởng hoạt động được trình bày chi tiết tại Điều 54 và Phụ lục số 04 của Điều lệ này.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quý sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Ngày đóng quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VF4 theo quy định của pháp luật hiện hành.

“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VF4 sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VF4 được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	(Sau đây gọi tắt là NAV) là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF4 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ đầu tư VF4 tại thời điểm định giá.
“Ngày định giá”	Ngày định giá là ngày làm việc cuối cùng của mỗi tuần hoặc ngày khác theo quyết định của Công ty quản lý quỹ VFM để xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4.
“Người liên quan”	Được hiểu theo khái niệm người có liên quan được quy định tại khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

ĐIỀU 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đại chúng:	Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh:	Vietnam Blue-chips Fund
Tên viết tắt:	Quỹ đầu tư VF4
Địa chỉ liên hệ:	Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	+84 -8 38251488
Fax:	+84- 8 38251489
Website:	www.vinafund.com

ĐIỀU 2. Mục đích của quỹ

Quỹ đầu tư VF4 được quản lý bởi Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM) với mục đích đem lại lợi nhuận cao nhất cho nhà đầu tư phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam, Bản cáo bạch và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF4.

ĐIỀU 3. Thời hạn hoạt động của quỹ

1. Thời hạn hoạt động của Quỹ đầu tư VF4 là 10 (mười) năm tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền.
2. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được sự chấp thuận của UBCKNN.
3. Khi có sự thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ, điều khoản này sẽ được thay đổi tương ứng.

ĐIỀU 4. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ đầu tư VF4 là quỹ công chúng dạng đóng, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, và hệ thống luật pháp hiện hành và các quy định trong bản Điều lệ này. Quỹ đầu tư VF4 có thể được chuyển đổi thành loại hình Quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư và được sự chấp thuận của UBCKNN.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ đầu tư VF4 không có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF4 là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF4 sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ đầu tư VF4, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
5. Công ty quản lý quỹ VFM do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

ĐIỀU 5. Vốn điều lệ, tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ phát hành

1. Tổng vốn của Quỹ đầu tư VF4 do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ đầu tư VF4 mở tại ngân hàng giám sát.
2. Quy mô vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF4 trong suốt thời gian hoạt động là 8.000 (tám ngàn) tỷ đồng. Trong đó, tổng số vốn dự kiến huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng là 1.000 (một ngàn) tỷ Đồng Việt Nam. Quỹ đầu tư VF4 sẽ tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành thêm trong những năm tiếp theo nhằm đạt tổng vốn điều lệ là 8.000 (tám ngàn) tỷ đồng.
3. Vốn đóng góp của Quỹ đầu tư VF4 trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng vào ngày điều lệ này được ký thông qua và có hiệu lực là 806.460.000.000 (tám trăm lẻ sáu tỷ bốn trăm sáu mươi triệu) đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành 80.646.000 đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 đồng.
4. Việc tăng hay giảm vốn huy động của Quỹ đầu tư VF4 phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được UBCKNN chấp thuận.
5. Khi có sự thay đổi về vốn của Quỹ đầu tư VF4, điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

ĐIỀU 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và phát hành chứng chỉ quỹ

1. Quỹ đầu tư VF4 chỉ định Công ty quản lý quỹ VFM làm đại diện huy động vốn và phát hành thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ. Việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ nhằm tăng vốn điều lệ

2. Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM và người làm việc tại Công ty quản lý quỹ VFM chỉ được mua, bán các chứng chỉ quỹ VF4 thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM khi chứng chỉ quỹ VF4 đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM Trong đợt phát hành lần đầu của Quỹ VF4 để huy động vốn thì người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM và người làm việc tại Công ty quản lý quỹ VFM không được tham gia mua chứng chỉ quỹ VF4.

ĐIỀU 7. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ VFM là một Công ty Cổ phần với cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF4. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Công ty quản lý quỹ VFM có trụ sở chính tại:

Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-8)-38251488 Fax: (84-8)-38251489

Website: www.vinafund.com

Và chi nhánh tại:

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3942 8168 Fax: (84-4) 3942 8169

ĐIỀU 8. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định làm Ngân hàng giám sát cho Quỹ đầu tư VF4. Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) được cấp giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08/09/2008

Trụ sở Ngân hàng giám sát:

Lầu 06, Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-8) 3829 2288 Fax: (84-8) 3823 0530

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 9. Mục tiêu đầu tư của quỹ

Quỹ đầu tư VF4 ra đời với mục tiêu đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp này xuất hiện từ quá trình cổ phần hóa những tổng công ty lớn của nhà nước trong giai đoạn 2007 – 2010 cũng như sự lớn mạnh và xu hướng cổ phần hóa của khối doanh nghiệp tư nhân. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục đầu tư của quỹ sẽ được xây dựng nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và đăng ký với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

ĐIỀU 10. Chiến lược đầu tư

Quỹ đầu tư VF4 chủ yếu đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm nhưng không giới hạn như: năng lượng, vật liệu - khai khoáng, tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng, bất động sản, hàng tiêu dùng và những doanh nghiệp này luôn nằm trong top 20 doanh nghiệp hàng đầu của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đó đang hoạt động và có vốn điều lệ tối thiểu là 150 tỷ đồng Việt Nam

1. Cơ cấu đầu tư:

Cơ cấu đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 trong tổng giá trị tài sản của Quỹ đầu tư VF4 vào thời điểm định giá gần nhất được phân bổ như sau:

- 70% tổng giá trị tài sản sẽ được đầu tư vào cổ phần của các công ty đại chúng chưa niêm yết, cổ phần của các tổ chức phát hành riêng lẻ là các doanh nghiệp lớn của Nhà nước được cổ phần hóa, các tài

sản tài chính khác. Việc đầu tư vào cổ phần của các tổ chức phát hành riêng lẻ và các tài sản tài chính khác sẽ không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ,

- 25% sẽ được đầu tư vào những doanh nghiệp niêm yết và đang giao dịch trên thị trường chứng khoán,
- 5% sẽ được đầu tư dưới dạng tài sản và công cụ tiền tệ khác

Tùy theo tiến độ cổ phần hóa cũng như tiến trình niêm yết sau cổ phần hóa, cơ cấu đầu tư của Quỹ sẽ thay đổi. Với quyết định cổ phần hóa gắn liền với niêm yết của các doanh nghiệp thì tỷ trọng cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán sẽ tăng dần, tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết sẽ giảm dần.

2. Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:

Chính sách phân bổ ngành nghề của Quỹ đầu tư VF4 được cân nhắc dựa trên quy mô vốn hóa của các doanh nghiệp cổ phần hóa, và trên những phân tích, dự báo ngành nghề của Công ty quản lý quỹ VFM về tiềm năng tăng trưởng, mức sinh lời... nhằm đảm bảo mục tiêu hoạt động của Quỹ đầu tư VF4.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư VF4. Cơ cấu ngành nghề này có thể thay đổi theo từng thời điểm nhằm nắm bắt cơ hội đầu tư cũng như theo tiến độ cổ phần hóa các doanh nghiệp.

- Dịch vụ tài chính - ngân hàng
- Viễn thông
- Hạ tầng, bất động sản
- Dược phẩm – y tế
- Vật liệu, khai khoáng
- Sản phẩm và dịch vụ tiêu dùng
- Công nghiệp năng lượng

3. Tài sản được phép đầu tư:

Quỹ đầu tư VF4 chỉ đầu tư vào những tài sản sau:

- Cổ phiếu của công ty đại chúng,
- Cổ phiếu của các tổ chức phát hành riêng lẻ,
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu công ty,
- Đầu tư vào các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi lại tổ chức tín dụng; tín phiếu kho bạc và thương phiếu với thời gian đáo hạn tính từ ngày phát hành không quá một năm,

Quỹ đầu tư VF4 có thể đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là các thị trường mới nổi trong khu vực, phụ thuộc vào sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty quản lý quỹ sẽ chủ động thực hiện đầu tư và quản lý các khoản đầu tư. Công ty quản lý quỹ sẽ tìm kiếm để thiết lập một danh mục đầu tư hiệu quả bao gồm các khoản đầu tư chủ chốt có sự tăng trưởng mạnh về giá trị và các khoản đầu tư có thu nhập định kỳ. Công ty quản lý quỹ sẽ quyết định đầu tư hoặc thanh toán các khoản đầu tư dựa trên sự đánh giá các yếu tố rủi ro, chiến lược rút vốn và tiềm năng sinh lợi của khoản đầu tư.

ĐIỀU 11. Hạn chế đầu tư

Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư vốn của Quỹ đầu tư VF4 vào chứng khoán hoặc tài sản khác phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật, do đó Quỹ đầu tư VF4 sẽ có những hạn chế sau:

1. Căn cứ vào quy mô của Quỹ đầu tư VF4

- Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành;
- Không được đầu tư quá 30% tổng tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một tập đoàn hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu lẫn nhau;
- Không được đầu tư quá 10% tổng tài sản của quỹ vào bất động sản;
- Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;

- Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản quỹ vào cổ phiếu các tổ chức phát hành riêng lẻ;
- Quỹ đầu tư VF4 sẽ không dùng các khoản vay để tài trợ các dự án đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết. Tuy nhiên trong mọi trường hợp tổng vay ngắn hạn sẽ không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ròng và thời hạn vay tối đa là 30 ngày.

2. Căn cứ vào quy mô của khoản đầu tư

- Không đầu tư quá 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - Không đầu tư vào chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 hoặc vào chứng chỉ Quỹ Đầu tư chứng khoán khác;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ đầu tư VF4 để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ VFM, đầu tư vào tổ chức kinh tế là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, tổ chức kinh tế là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 được phép sai lệch nhưng không quá 15% so với những hạn chế đầu tư. Các sai lệch phải là kết quả của việc tăng giá thị trường của tài sản đầu tư, việc thay đổi giá trị do thực hiện các quyền ưu đãi của tài sản đầu tư và các thanh toán hợp pháp của Quỹ. Công ty quản lý quỹ VFM có nghĩa vụ báo cáo UBCKNN về các sai lệch trên. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh, Công ty quản lý quỹ VFM phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

ĐIỀU 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

Trong quá trình đầu tư, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện một quy trình nghiên cứu, đánh giá và thẩm định đầu tư, áp dụng chiến lược đầu tư tích cực trong việc quản lý Quỹ đầu tư VF4, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư tốt, có hiệu quả dài hạn và gia tăng giá trị cho các khoản đầu tư của Quỹ đầu tư VF4.

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích công ty. Phương pháp này nhằm lựa chọn ra những ngành nghề hiệu quả, tiềm năng của nền kinh tế để từ đó lựa chọn công ty hoặc dự án hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư.

Công ty quản lý quỹ VFM tiến hành phân tích ngành thông qua phân tích chu kỳ hoạt động, dự đoán tăng trưởng, đánh giá mức độ lợi nhuận và rủi ro, chính sách Nhà nước đối với ngành, tầm ảnh hưởng trong mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty trong ngành và của sản phẩm thay thế, mức ảnh hưởng ngành từ các thay đổi về xã hội, công nghệ...

Đối với phân tích công ty, hiệu quả hoạt động là kim chỉ nam mà Công ty quản lý quỹ VFM chú trọng trong quá trình thẩm định đầu tư. Công ty sẽ tập trung thẩm định các tiêu chí về quản trị, tính minh bạch, tiềm năng tăng trưởng, các tiêu chí tài chính thể hiện hiệu quả hoạt động, hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

Ngoài việc đầu tư nêu trên, công ty quản lý quỹ VFM sẽ kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư bằng cách nghiên cứu kỹ các báo cáo tài chính định kỳ và giữ quan hệ chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc các công ty đã đầu tư. Bộ phận nghiên cứu sẽ liên tục cập nhật các thông tin có liên quan đến các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư để có thể sẵn sàng đưa ra giải pháp tốt nhất trong quá trình đầu tư. Bên cạnh đó, ban điều hành quỹ sẽ hỗ trợ công ty đầu tư về mặt quản trị chiến lược, cơ cấu tài chính nhằm tạo ra giá trị gia tăng đối với các khoản mà Quỹ đầu tư VF4 tham gia đầu tư.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ thị trường tiền tệ

Công ty sẽ chủ động lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ căn cứ trên mức sinh lời, mức độ rủi ro. Các công cụ này thường là những khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu công ty hoặc trái phiếu chính phủ và chủ yếu phục vụ cho việc tối ưu hóa lợi nhuận đối với lượng tiền mặt nhàn rỗi tạm thời của quỹ.

CHƯƠNG III NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 bao gồm là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư là pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử này được thực hiện bằng văn bản và gửi đến Công ty quản lý quỹ, trừ trường hợp người

đại diện chính là người đại diện theo pháp luật. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư pháp nhân ký.

ĐIỀU 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:
 - a) Được chia cổ tức hoặc lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này.
 - b) Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ VF4 theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này.
 - c) Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
 - d) Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
 - e) Được quyền mua thêm chứng chỉ quỹ phát hành thêm khi Quỹ tăng vốn điều lệ, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư hiện sở hữu căn cứ theo Danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp.
 - f) Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện Quỹ đầu tư VF4 khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.
 - g) Quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
 - a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
 - b) Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp.
 - c) Thực hiện đúng theo những quy định trong Điều lệ này.
 - d) Chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp (nếu có).

ĐIỀU 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát phải lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư từ khi Quỹ đầu tư VF4 hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ được thể hiện dưới hình thức bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử.

Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các nội dung sau:

- a. Tên Quỹ đầu tư,
 - b. Số Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của quỹ,
 - c. Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát,
 - d. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, loại chứng chỉ quỹ được quyền chào bán,
 - e. Danh sách bao gồm tên nhà đầu tư, địa chỉ liên lạc, số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ mà mỗi nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ,
 - f. Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
2. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát và thông báo bằng văn bản cho UBCKNN và tất cả các nhà đầu tư biết nơi lưu giữ.

ĐIỀU 16. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

1. Quỹ đầu tư VF4 và Công ty quản lý Quỹ VFM không chịu trách nhiệm mua lại chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4. Tuy nhiên, để tạo thanh khoản cho nhà đầu tư, Quỹ đầu tư VF4 niêm yết chứng chỉ Quỹ trên thị trường chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện quỹ được quy định tại Điều 24, Điều 26 của Điều lệ này

ĐIỀU 17. Thừa kế chứng chỉ quỹ

Việc thừa kế chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ đầu tư VF4 chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Việc chuyển nhượng quyền sở hữu chứng chỉ quỹ do việc thừa kế sẽ tuân theo qui trình chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán và chi nhánh Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.

ĐIỀU 18. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

1. Trong trường hợp Quỹ đầu tư VF4 đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban Đại Diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:

(i) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;

(ii) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;

2. Việc giảm vốn Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.

3. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VF4 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư chấp thuận, kể cả những nhà đầu tư đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 19. Đại hội nhà đầu tư thường niên

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư VF4. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong danh sách vào ngày chốt quyền tham dự đại hội theo thông báo của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán cung cấp trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội đều có quyền tham dự Đại hội.

2. Đại hội Nhà đầu tư thường niên do Ban đại diện Quỹ triệu tập và được tổ chức trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Thời gian tối đa giữa hai kỳ đại hội cách nhau không quá 15 tháng.

4. Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do công ty quản lý quỹ triệu tập và tổ chức trong vòng hai mươi lăm (25) ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán.

5. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư thường niên và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

ĐIỀU 20. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng triệu tập trong những trường hợp sau đây:

(a) Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;

(b) Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;

(c) Xem xét thay thế công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;

(d) Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

(e) Xem xét việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo quy định của Điều lệ này;

- (f) Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ còn lại dưới 03 (ba) thành viên.
- Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, chi phí tổ chức Đại hội bất thường do bên yêu cầu triệu tập chịu trách nhiệm thanh toán.

ĐIỀU 21. Quyền hạn của Đại hội nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư có các quyền hạn sau:

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ;
- Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- Xem xét điều chỉnh tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;
- Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát, quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;
- Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể quỹ;
- Quyết định việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ, phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ việc phát hành;
- Quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, hoặc theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ;
- Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi Quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 22. Điều kiện, thủ tục tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

- Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất năm (5) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.
- Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% vốn điều lệ Quỹ. Hình thức tham dự Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
- Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
- Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

ĐIỀU 23. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

- Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
- Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - (a) Quyết định của Đại hội Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận;
 - (b) Đối với quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, giải thể Quỹ, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, thay đổi Ngân hàng giám sát phải được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác được chấp thuận.
4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - (a) Thông qua việc điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ này cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - (b) Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - (c) Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, thay đổi Ngân hàng giám sát.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
6. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
7. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCKNN.
8. UBCKNN có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.
9. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

CHƯƠNG V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

ĐIỀU 24. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF4 do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư.
2. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF4 có từ 05 (năm) đến 09 (chín) thành viên, trong đó có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.
3. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 03 (ba) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Ban đại diện quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ. Tuy nhiên, đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền cử người đại diện mình tham dự tại cuộc họp, nhưng người đại diện này không có quyền biểu quyết.

Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể tiến hành hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban đại diện Quỹ tham dự, bao gồm cả người đại diện hợp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà không có quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền thông (điện thoại trực tiếp, cầu truyền hình,...), với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.
5. Khi Quỹ đăng ký niêm yết, các thành viên Ban đại diện Quỹ tại thời điểm này phải cam kết hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành. Cam kết hạn chế chuyển nhượng này có giá trị pháp lý trong suốt thời gian hạn chế chuyển nhượng luật định, kể cả trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ đó không còn đương nhiệm. Các quy định về hạn chế chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực đối với các thành viên Ban đại diện đã có cam kết tại thời điểm niêm yết.
6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, số lượng thành viên còn lại không dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới gồm các thành viên còn lại. Việc bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ cho đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ sẽ được thực hiện tại

Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên.

Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội nhà đầu tư để bầu thêm thành viên Ban đại diện quỹ, nhằm đảm bảo về số lượng thành viên Ban đại diện quỹ theo đúng quy định của Điều lệ, trong vòng 02 tháng kể từ ngày thông báo việc thay đổi trên.

- Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện quỹ, thì Ban đại diện quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi này cho nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và Ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải hội đủ các điều kiện sau:

- Là nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là pháp nhân, sở hữu ít nhất 3% vốn điều lệ hoặc những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
- Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

ĐIỀU 26. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
- Giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
- Kiến nghị việc thay đổi công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch;
- Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật;
- Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ;
- Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;
- Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ người đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho người đầu tư vay tiền;
 - Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
- Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
- Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;

14. Trên 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường.
15. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.
16. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
17. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.
18. Chấp hành đúng cam kết hạn chế chuyển nhượng của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Điều lệ này và pháp luật.
19. Phải chấp hành quy định về việc công bố thông tin trong giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 do mình và các đối tượng có liên quan thực hiện theo luật định, cụ thể là:
 - + Trước khi giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 (chẳng hạn: cho, tặng, mua bán, thừa kế, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm,...), người dự kiến thực hiện giao dịch phải tiến hành thủ tục báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM ban hành, trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá hai (02) tháng, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ phía Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
 - + Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo về kết quả giao dịch cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM ban hành.
 - + Trường hợp không thực hiện giao dịch, thì cũng phải báo cáo lý do với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến thực hiện giao dịch.

ĐIỀU 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - (d) Đại diện Ban đại diện quỹ ban hành các quyết định đình chỉ, bãi, miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ được quy định tại khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này.

ĐIỀU 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

ĐIỀU 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
 - (a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - (b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - (c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
 - (d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
 - (a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Bản Điều lệ này;
 - (b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;

- (c) Bị cách chức thành viên Ban đại diện quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- (d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 09 (chín) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
- (e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
- (f) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này

ĐIỀU 30. Hoạt động của Ban đại diện quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
5. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
6. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.
7. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỀU 31. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

ĐIỀU 32. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - (a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
 - (b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
 - (c) Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;
 - (d) Đối với những giao dịch của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;
 - (e) Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
 - (f) Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VF4 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận
 - (g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của Thành viên Hội đồng quản trị, những người quản lý và nhân viên của Công ty quản lý quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại công ty quản lý quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;

- (h) Khi công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thường quy định trong Điều lệ quỹ;
 - (i) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - (j) Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do công ty quản lý quỹ chịu;
 - (k) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này;
2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:
- (a) Được hưởng các khoản phí và thường được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (b) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
 - (c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
 - (d) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

ĐIỀU 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- (a) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo các quy định của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - (b) Theo đề nghị của Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ, và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - (c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán;
 - (d) Tự nguyện chấm dứt hoạt động;
 - (e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
 - (f) Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới hình thành sau khi sáp nhập hoặc hợp nhất và Công ty quản lý quỹ mới này đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định.
3. Chi phí bồi thường khi thay đổi công ty quản lý quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi công ty quản lý quỹ, Quỹ sẽ phải trả cho công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ tại thời điểm thay thế	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
2.0%	Kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động đến sau 01 năm.
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.0%	Sau 05 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
0.5%	Sau 07 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
0%	Sau 09 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho công ty quản lý quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và được UBCKNN chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho công ty quản lý quỹ khoản phí nêu trên.

Quỹ sẽ thanh toán thường hoạt động tích lũy cho đến ngày thay thế cho công ty quản lý quỹ (nếu có)

ĐIỀU 34. Quy định về hạn chế đối với công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với ngân hàng giám sát của Quỹ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm việc cho ngân hàng giám sát của Quỹ.
3. Người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ chỉ được mua, bán các chứng chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.
5. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ.
6. Khi công ty quản lý quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thường đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ.
7. Công ty quản lý quỹ sẽ không:
 - (a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - (b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các Quỹ đại chúng khác do mình quản lý;
 - (c) Sử dụng tài sản của công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ.
9. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân công ty, thanh toán các nghĩa vụ nợ của người có liên quan của công ty hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.
10. Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.
11. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

ĐIỀU 35. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng do UBCKNN cấp.
2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

ĐIỀU 36. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:
 - (a) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý Quỹ của công ty quản lý quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
 - (b) Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện các hoạt động giúp nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến việc sở hữu chứng chỉ quỹ;
 - (c) Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ lưu giữ và bảo quản an toàn tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch Quỹ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ;
 - (d) Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản của các Quỹ với nhau và với tài sản của ngân hàng giám sát và các tài sản khác do ngân hàng giám sát quản lý, trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
 - (e) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do công ty quản lý quỹ lập;
 - (f) Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát.
 - (g) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
 - (h) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
2. Quyền của ngân hàng giám sát
 - (a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - (b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

ĐIỀU 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Ngân hàng giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - (b) Ngân hàng giám sát tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - (c) Theo đề nghị của công ty quản lý quỹ hoặc Ban đại diện Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - (d) Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể;
 - (e) Quỹ sát nhập hoặc hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - (f) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;
 - (g) Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sát nhập bởi ngân hàng khác.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

ĐIỀU 38. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ chọn công ty kiểm toán tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- (ii) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- (iii) Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
- (iv) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 39. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

ĐIỀU 40. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

ĐIỀU 41. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

ĐIỀU 42. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG IX PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 43. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhà đầu tư sau khi có xác nhận của ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 44. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá. Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng sẽ được thông báo công khai cho nhà đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF4 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại thời điểm định giá.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

- Giá trị của các tài sản và khoản đầu tư của quỹ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết, giá của các chứng khoán niêm yết được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và giao dịch tại các công ty chứng khoán, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp công ty chứng khoán tạm thời không cung cấp giá giao dịch của cổ phiếu nào đó, giá của chứng khoán đó được xác định là giá do chính công ty chứng khoán đó cung cấp tại thời điểm gần nhất, nhưng không quá 12 tháng trước đó.
Nếu quá 12 tháng, giá sử dụng để định giá chứng khoán đó sẽ được chọn là giá thấp nhất giữa:
 - Giá trị đầu tư ban đầu (cost price) và
 - Giá trung bình của ba (03) công ty chứng khoán cung cấp tại thời điểm gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, giá chứng khoán đó được xác định là giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Đối với chứng khoán không có giao dịch từ 12 tháng trở lên, giá sử dụng để định giá chứng khoán đó sẽ là giá nào thấp nhất giữa:
 - Giá trị đầu tư ban đầu (cost price) và
 - Giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày có giao dịch gần nhất trên sàn Upcom trước ngày định giá.
- Đối với chứng khoán niêm yết, không có giao dịch trong thời gian ít hơn (02) tuần tính đến ngày định giá, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá chào mua cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người liên quan của công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát. Trong trường hợp không đủ giá cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán, giá của chứng khoán đó sẽ được xác định là giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Đối với cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong thời gian từ hai (02) tuần trở lên tính đến ngày định giá, giá trị của chứng khoán đó được xác định như sau:
 - Bảng giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá trừ trường hợp cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc ngưng giao dịch; hoặc
 - Bảng 80% giá trị thanh lý của một cổ phiếu tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trong trường hợp tổ chức phát hành đang trong quá trình chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản; hoặc
 - Được xác định theo nguyên tắc định giá khác đã được Ngân hàng giám sát đồng ý và Đại hội nhà đầu tư chấp thuận cho các trường hợp khác.
- Đối với các loại tài sản khác như tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm kể từ ngày định giá, giá các chứng khoán đó được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến thời điểm định giá. Trường hợp tài sản là trái phiếu chiết khấu, giá trị tài sản được xác định theo phương pháp định giá theo dòng tiền hoặc theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở giá mua và mệnh giá của trái phiếu;
- Đối với trái phiếu có thời gian đáo hạn trên một (01) năm kể từ ngày định giá, trái phiếu chuyển đổi, giá của các chứng khoán đó được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp;
- Đối với chứng khoán phái sinh, giá các chứng khoán này được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá chứng khoán phái sinh phù hợp;
- Đối với các loại tài sản khác của Quỹ như cổ tức, lãi nhận được, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 1 năm, và tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm kể từ ngày định giá, giá trị của các tài sản này được tính theo giá trị thực tế tại thời điểm xác định;
- Trường hợp tài sản của Quỹ là bất động sản, giá trị tài sản này phải được định giá bởi một tổ chức định giá độc lập được sự đồng ý của ngân hàng giám sát và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Tổ chức định giá này không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Tài sản này phải được thẩm định và định giá định kỳ sáu (06) tháng một lần. Trường hợp xảy ra những sự kiện có thể ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải thông báo với tổ chức định giá;

- o Đối với các khoản đầu tư mà phương pháp tính giá chưa được xác định trên đây sẽ được đánh giá theo giá trị đầu tư ban đầu (cost price) và không thay đổi trong suốt thời gian mà khoản đầu tư đó chưa được chuyển nhượng.
 - o Giá của các loại tài sản khác được xác định theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan khác đã được ngân hàng giám sát phê duyệt và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

CHƯƠNG X PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU 45. Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4

1. Quỹ có thể tăng vốn điều lệ bằng cách huy động thêm vốn từ nhà đầu tư hiện hữu bằng cách thực hiện việc chào bán thêm chứng chỉ của Quỹ cho nhà đầu tư hiện hữu thông qua việc phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ này có thể được chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, phần chứng chỉ quỹ còn dư có thể được chào bán cho các nhà đầu tư khác.
2. Việc chào bán để tăng vốn phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
3. Phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ và phương án đầu tư số vốn thu được phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

CHƯƠNG XI GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

ĐIỀU 46. Các điều kiện giải thể quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn;
 - b. Các trường hợp giải thể Quỹ trước thời hạn sau khi đã được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư là:
 - (i) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
 - (iii) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (iv) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
 - (v) Đại hội nhà đầu tư quyết định chuyển toàn bộ tài sản của Quỹ vào một Quỹ khác.
2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ĐIỀU 47. Thanh lý tài sản quỹ khi giải thể

1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại khi giải thể được thanh toán theo trật tự ưu tiên sau:
 - (a) Thanh toán các chi phí giải thể Quỹ, các khoản Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể do Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty quản lý quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của ngân hàng giám sát bị UBCKNN thu hồi, các khoản Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ và cho ngân hàng giám sát sẽ không phải thanh toán kể từ ngày Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty quản lý quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị UBCKNN thu hồi;
 - (b) Thanh toán nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
 - (c) Thanh toán các khoản Quỹ phải trả khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
 - (d) Phần tài sản còn lại của Quỹ được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong Quỹ
2. Nếu như tài sản Quỹ không đủ hoàn trả cho toàn bộ số vốn đã góp, khi phân phối, mỗi nhà đầu tư sẽ chịu phần thiệt hại tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của mình tại Quỹ.

ĐIỀU 48. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

CHƯƠNG XII PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 49. Phí phát hành chứng chỉ quỹ đóng

Nhà đầu tư chỉ phải trả một lần phí phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 3%/mệnh giá đơn vị quỹ.

ĐIỀU 50. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

ĐIỀU 51. Phí quản lý quỹ

1. Phí quản lý là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF4/năm tài chính. Phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ đầu tư VF4. Phí quản lý sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn công ty quản lý quỹ VFM cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ đầu tư VF4. Phí quản lý được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng
2. Công thức tính phí quản lý hàng tháng được xác định như sau:

Phí quản lý hàng tháng = Tỷ lệ 2% phí quản lý (năm) / 12 tháng x NAV ngày cuối tháng

ĐIỀU 52. Phí lưu ký, giám sát và phí khác trả cho ngân hàng giám sát

1. Phí giám sát, lưu ký là 0,08%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF4/năm tài chính. Phí này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v.... Phí này được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát. Phí giám sát, lưu ký được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng. Phí tối thiểu hàng tháng là VND 19.500.000 (áp dụng trong trường hợp tổng phí giám sát lưu ký và phí giao dịch trong tháng không vượt quá phí tối thiểu).

Công thức tính phí giám sát, lưu ký hàng tháng được xác định như sau:

Phí giám sát, lưu ký hàng tháng = 0,08% (năm)/12 tháng x NAV ngày cuối tháng

2. Quỹ sẽ thanh toán cho ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với

Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

ĐIỀU 53. Chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
2. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
3. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
4. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
5. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
6. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
7. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
8. Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát;
9. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
10. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;

Tổng cộng các khoản phí được nêu trong Điều này sẽ không vượt quá 1%/ giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm.

ĐIỀU 54. Cổ tức quỹ

Cổ tức Quỹ có thể sẽ được phân phối hàng năm cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ và được sự chấp thuận, thông qua của Ban đại diện Quỹ căn cứ trên tình hình hoạt động và lợi nhuận hàng năm của Quỹ. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư mới được nhận cổ tức quỹ

ĐIỀU 55. Thưởng hoạt động

Quỹ sẽ trả thưởng hoạt động cho công ty quản lý quỹ khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt một tỷ lệ nhất định. Công thức tính thưởng hoạt động được đề cập tại Phụ lục 4 Điều lệ này.

CHƯƠNG XIII GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

ĐIỀU 56. Kiểm soát xung đột lợi ích

1. Công ty quản lý quỹ phải:
 - (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - (ii) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG XIV CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 57. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho nhà đầu tư sẽ do Công ty quản lý quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do nhà đầu tư đăng ký.

Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho công ty quản lý quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.

4. Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã có dán tem và gửi đi đúng theo địa chỉ đăng ký.
5. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành quỹ nhận.
6. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 58. Thay đổi điều lệ

Điều lệ Quỹ chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư.

ĐIỀU 59. Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều lệ này bao gồm 14 Chương, 59 Điều và 4 Phụ lục được Đại hội Nhà đầu tư của Quý thông qua và UBCKNN phê duyệt và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 02 năm 2008.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF4 được bổ sung và sửa đổi lần thứ nhất bao gồm 14 Chương, 59 Điều và 4 Phụ lục theo ý kiến biểu quyết bằng văn bản của Đại hội Nhà đầu tư có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 4 năm 2008.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF4 được bổ sung và sửa đổi lần thứ hai bao gồm 14 Chương, 59 Điều và 04 Phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quý đầu tư VF4 số 02/VF4-2009/NQĐH ngày 20/3/2009 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2009.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF4 được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 14 Chương, 60 Điều và 04 Phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quý đầu tư VF4 số 02/VF4-2010/NQĐH ngày 23/3/2009 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2010.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF4 được bổ sung và sửa đổi lần thứ tư bao gồm 14 Chương, 60 Điều và 04 Phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quý đầu tư VF4 số 02/VF4-2011/NQĐH ngày 24/3/2011 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2011.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF4 được bổ sung và sửa đổi lần thứ năm bao gồm 14 Chương, 60 Điều và 04 Phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quý đầu tư VF4 số 02/VF4-2012/NQĐH ngày 22/3/2012 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2012.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quý cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
 - 02 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của công ty quản lý quỹ.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 60. Điều khoản thi hành

Quý được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ và niêm yết chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Làm tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2012

**THAY MẶT ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

(Đã ký)

ĐẶNG THÁI NGUYỄN

**PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10 Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38251488

Fax: (08) 38251489

Website: www.vinafund.com

Công ty quản lý quỹ VFM cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ đầu tư VF4:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ.
 - (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ.
 - (d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM
(Đã ký và đóng dấu)

TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát của Quý đầu tư VF4 là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) được cấp giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08/09/2008

Địa chỉ: Lầu 06, Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 38292288 ; Fax: (84-8) 38230530

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quý trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quý luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm ;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quý
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quý thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quý với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quý, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quý;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quý;
9. Đảm bảo Quý được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm;

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)

(Đã ký và đóng dấu)

LÊ THỊ THÀNH TÂM

**Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán HSBC**

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) được cấp giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08/09/2008

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo bạch.

CTY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

(Đã ký và đóng dấu)

TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VN)

(Đã ký và đóng dấu)

LÊ THỊ THÀNH TÂM
Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán HSBC

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Công ty quản lý quỹ có thể nhận được từ Quỹ, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động. Thưởng hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Mức thưởng được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ. Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ (nếu có) trong năm tính thưởng và được thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ hàng năm.
- Phần lợi nhuận của Quỹ để tính mức phí thưởng bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quỹ tăng vốn.
- Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.
- Phí thưởng chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thưởng được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Phương thức hạch toán:

Thưởng hoạt động được trích trước hàng tháng dựa trên hoạt động của quỹ so với tiêu chí đặt ra và được cân đối và quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động thực tế của năm đó. Hàng tháng, căn cứ vào công thức tính thưởng được đề cập dưới đây, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ tạm tính số thưởng hoạt động (nếu có) từ ngày đầu năm đến ngày cuối tháng. Phần chênh lệch giữa số thưởng hoạt động đã tạm tính vào cuối tháng trước đó và số thưởng hoạt động được tạm tính vào cuối tháng sau sẽ được hạch toán điều chỉnh vào NAV của tháng sau. Sau khi kết thúc năm tài chính, số thưởng hoạt động cho cả năm (nếu có) sẽ được so sánh với số tạm tính trong năm và các chênh lệch (nếu có) sẽ được điều chỉnh thông qua bút toán khóa sổ kế toán cho năm tài chính. Phương thức hạch toán sẽ tuân thủ các quy định về kế toán quỹ của Nhà nước ban hành.

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ sẽ nhận được bằng 20% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tiền thưởng = 20% x Li

$$Li = Vi - \{Vi-1 \times (100\% + h + 1\%) + Ni \times [100\% + (h + 1\%) \times d/365]\}$$

Trong đó:

- Li: khoản liên quan theo đó khoản thưởng hoạt động hàng năm được tính
- V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.
- V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm (i-1)
- N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i
- d: số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân để ngày 31 tháng 12 của năm i
- h: là chỉ số căn bản, được tính như sau:

$$h = W_{ho} \times R_{ho} + W_{ha} \times R_{ha} + W_o \times R_{gb}$$

trong đó:

- W_{ho} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong danh mục Quỹ đầu tư VF4
- Rho là % tăng trưởng của VNIndex
- W_{ha} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục Quỹ đầu tư VF4
- Rha là % tăng trưởng của HNX Index
- W_o là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch bao gồm cả trái phiếu, tiền gửi, tiền mặt...
- Rgb là lãi suất trái phiếu chính phủ 10 năm đầu thầu thành công gần nhất.

Ghi chú: Các chỉ số W_{ho} , W_{ha} , và W_o là những tỷ trọng cơ cấu danh được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng			NAV thực tế (tỷ đồng)			
	CP niêm yết Hose (W_{ho})	CP niêm yết Hnx (W_{ha})	Tài sản khác (W_o)	Tổng	Giá trị CP niêm yết Hose	Giá trị CP niêm yết Hnx	Giá trị tài sản khác
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
T1				1.000	450	400	150
T2				1.015	467	416	132
T3				1.030	484	433	113
T4				1.046	502	450	94
T5				1.061	520	467	74
T6				1.077	539	463	75
T7				1.093	558	459	77
T8				1.110	577	455	78
T9				1.126	597	451	79
T10	Phát hành 1000 tỷ			2.143	1.029	857	251
T11				2.176	1.110	892	174
T12				2.208	1.192	927	88
Cả năm (a)	50%	41%	9%	16.086	8.024	6.670	1.392

Ghi chú:

- (4), (5), (6), và (7): giá trị NAV, giá trị cp niêm yết HOSE, giá trị cp niêm yết HNX, và giá trị tài sản khác trung bình trong tháng, được tính bằng (giá trị đầu tháng + giá trị cuối tháng)/2

Tại dòng (a):

- $W_{ho} (1) = (5)/(4) = 8.024/16.086 = 50\%$
- $W_{ha} (2) = (6)/(4) = 6.670/16.086 = 41\%$
- $W_o (3) = (7)/(4) = 1.392/16.086 = 9\%$

Ví dụ tính chỉ số căn bản và thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	(a)	1.000
NAV cuối năm (tỷ)	(b)	2.208
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	(c)	1.000
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	(d)	100
Tăng trưởng Vnindex	(e)	15%
Tăng trưởng HNXindex	(f)	14%
Lãi suất TP CP 10 năm	(g)	9%
Chỉ số vượt trội	(h)	1,00%
Chỉ số căn bản	$(i) = W_{ho} \times (e) + W_{ha} \times (f) + W_{ox} \times (g) =$	14,1%
Li (tỷ)	$(k) = (b) - (a) \times [1 + (i) + (h)] - (c) \times \{1 + (i) + (h)\} \times (d) / 365$	16,23
Thưởng (tỷ)	(n) = 20% x (k)	3,25
Thưởng/NAV (%)		0,1%